

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án	Dự toán chuyển nguồn			Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)*			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Sở Dân tộc và Tôn giáo										
1	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	49.201.128	26.241.128	22.960.000	-49.201.128	-26.241.128	-22.960.000	0	0	0	
a	<i>Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	49.201.128	26.241.128	22.960.000	-49.201.128	-26.241.128	-22.960.000	0	0	0	
	<i>Trong đó:</i>										
	<i>Năm 2023</i>	403.200	3.200	400.000	-403.200	-3.200	-400.000	0	0	0	
	<i>Năm 2024</i>	38.308.200	26.008.200	12.300.000	-38.308.200	-26.008.200	-12.300.000	0	0	0	
	<i>Năm 2025</i>	10.489.728	229.728	10.260.000	-10.489.728	-229.728	-10.260.000	0	0	0	
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.377.395.454	1.340.395.454	37.000.000	-1.278.395.454	-1.278.395.454	0	99.000.000	62.000.000	37.000.000	
a	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	35.711.854	35.711.854	0	-35.711.854	-35.711.854	0	0	0	0	
	<i>Trong đó:</i>										
	<i>Năm 2024</i>	35.711.854	35.711.854		-35.711.854	-35.711.854		0	0	0	
b	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	1.341.683.600	1.304.683.600	37.000.000	-1.242.683.600	-1.242.683.600	0	99.000.000	62.000.000	37.000.000	
	<i>Trong đó:</i>										
	<i>Năm 2023</i>	138.687.600	138.687.600		-138.687.600	-138.687.600		0	0	0	
	<i>Năm 2024</i>	687.996.000	687.996.000		-687.996.000	-687.996.000		0	0	0	
	<i>Năm 2025</i>	515.000.000	478.000.000	37.000.000	-416.000.000	-416.000.000		99.000.000	62.000.000	37.000.000	
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	491.794.202	483.125.202	8.669.000	1.327.596.582	1.304.636.582	22.960.000	1.819.390.784	1.787.761.784	31.629.000	
a	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</i>	491.794.202	483.125.202	8.669.000	1.327.596.582	1.304.636.582	22.960.000	1.819.390.784	1.787.761.784	31.629.000	
	<i>Trong đó:</i>										
	<i>Năm 2023</i>				139.090.800	138.690.800	400.000				
	<i>Năm 2024</i>	491.794.202	483.125.202	8.669.000	762.016.054	749.716.054	12.300.000				
	<i>Năm 2025</i>				426.489.728	416.229.728	10.260.000				